Họ tên	Bộ phận	5	6	7	8	11	12	13	14	15	18	19	20	21	22	25	26	27	28	29	Tổng
VI THỊ THANH	Phòng TCHC	8.4	8.52	8.4	8.42	8.27	8.45	8.73	8.88	8.78	8.48	8.78	8.6	8.35	8.47	8.43	8.63	8.63	8.62	8.67	**17.89**
Phòng TCHC Count	1																				
LÔ VĂN THƯƠNG	Phòng TCKT	8.28	5.42	8.38	8.38	5.2	4.25	8.43	8.27	8.4	8.37	8.25		8.28	8.47	5.78	8.33	8.18	6.05		**13.34**
NGUYỄN THỊ HÀ	Phòng TCKT	8.87	8.42	5.43	8.77	8.17			8.63	8.73	8.68	8.68	4.28								**8.27**
VÕ THỊ HÀ	Phòng TCKT	8.48	8.47	8.55	8.6	8.35	8.53	9.08	8.75	8.32	8.48	8.72	8.77	8.6	8.53	8.55	8.48	8.68	8.2	8.45	**17.12**
Phòng TCKT Count	3																				
ĐỖ THỊ TÂM	Phòng KHTH	9.6	8.9	9.22	9.05	4.03	8.82	8.6	8.83	9.15	5.02		9.27	9.07	9.43	8.83	8.7	9	9.13	8.95	**15.99**
NGUYỄN SỸ HOÀNG	Phòng KHTH	8.6	8.35	5.57	4.28	8.17	8.35	7.52	8.2	5.88	8.25	4.55	7.72	7.9	8.7	8.72	8.33	8.47	8.57	5.32	**14.9**
KHA VĂN KHÁM	Phòng KHTH	8.68	8.82	8.77	8.37	4.03	5.28	7.63	8.63	6.25	8.72	8.82	8.55	8.37	8.5	8.5					**12.4**
KHA THỊ THẢO	Phòng KHTH	8.7	8.73													8.87	7.65	7.67	6.5	6.88	**5.79**
NGUYỄN THỊ THANH HẢI	Phòng KHTH	2.72	8.42	8.58	8.57	8.38	8.2	8.23	8.1	8.2	5.73		8.23	8.3	8.52	8.47	8.25	8.18	8.43	8.22	**14.91**
VI THỊ HIỀN	Phòng KHTH	8.65	8.57	8.65	8.55	8.35	8.63	8.67	8.57	8.52	8.77	9.13	8.62	8.53	8.82	8.68	8.77	8.77	8.67	8.57	**17.3**
CỬ Y NHÌA	Phòng KHTH	4.02	8.38	8.73	8.42	8.57	7.73	8.43	8.52	8.55	8.85	9.07	8.48	7.72	3.82	7.87	3.73	8.48	8.27	8.4	**15.35**
Phòng KHTH Count	7																				
MOONG THỊ THẮM	BAN GIÁM ĐỐC	8.53	8.45	7.62	8.52	7.82	8.25	8.88	4.17		7.33	8.42	8.02	8.38	2.32	8.62	3.88	5.85	8.25	8.2	**13.85**
SẦM VĂN HẢI	BAN GIÁM ĐỐC	4.17	8.72	9.13	4.2	5.67	8.55	5.77	2.8	8.37			4.25	3.93	8.7	8.65	8.78				**9.65**
BAN GIÁM ĐỐC Count	2																				